TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 753/2025/DS-PT
Ngày: 26/12/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc: *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng "*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:654/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Trụ sở: Số D, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Trần Trung T - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Địa chỉ liên lạc: Số D- 41B - D, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2024. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Cẩm N. Sinh năm 1989. Địa chỉ: A đường M, khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Số D đường B, khu dân cư T, phường H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ số D, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị Cẩm N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Bà Phan Thị Cẩm N có ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số NIK.CN.1460.180222 ngày 18/02/2022, 03 hợp đồng cấp tín dụng, 03 khế ước nhận nợ và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng để vay vốn và sử dụng dịch vụ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, cụ thể:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1461.180222 ngày 18/02/2022; Khế ước nhận nợ Số 355417779 ngày 21/02/2022, thỏa thuận số tiền vay 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 180 tháng, từ ngày 22/02/2022 đến ngày 21/02/2037; Mục đích vay mua nhà, đất, có thế chấp tài sản mua là nhà, đất mua tại thửa 288, 289, tờ bản đồ số 9, đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long); Lãi suất vay: 6.5%/năm cố định trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau:

Từ năm 1 đến năm 5: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS + 3.50%/năm.

Từ năm thứ 6: Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS + 3.90%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Thỏa thuận thanh toán lãi và nợ gốc định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, trong 180 kỳ, tiền lãi tính theo dư nợ thực tế.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 21/02/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 10.000.000.000đ cho bà N bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 33337938 của bà Phan Thị Cẩm N tại Ngân hàng A.

Bà N đã thanh toán gốc và lãi theo đến ngày 28/8/2023 trở đi thì không thanh toán đầy đủ gốc và lãi theo thoả thuận của hợp đồng.

Ngày 05/10/2023, Ngân hàng và bà N có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số NIK.CN.1461.180222/SĐBS-01, sửa đổi, bổ sung thoả thuận về cơ cấu thanh toán nợ gốc và lãi các kỳ còn thiếu cho bà N nhưng bà N vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi 30% phát sinh còn lại theo thoả thuận; cụ thể, bà N chỉ thanh toán lãi 30% được 01 kỳ vào ngày 06/10/2023 và từ sau ngày 25/11/2023 trở đi cho đến nay bà N không đóng đồng nào nữa, ngoài ra, sau đó bà N cũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận của hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 05/10/2023. Tạm tính đến ngày 31/7/2025, bà N đã thanh toán nợ gốc được: 222.108.000đ, còn thiếu tổng cộng số tiền 12.979.778.528 đồng; trong đó:

- Nợ gốc 9.777.892.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn 602.302.541 đồng.

- Tiền lãi quá hạn 2.407.049.123 đồng.

- Lãi phạt chậm trả lãi 192.534.864 đồng.

2. Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1903.140422 ngày 14/04/2022; Khế ước nhận nợ số 360536999 ngày 27/4/2022, thoả thuận số tiền vay 4.300.000.000 đồng; Thời hạn vay 180 tháng, từ ngày 28/4/2022 đến ngày 27/4/2037; Mục đích vay mua nhà, đất, có thế chấp tài sản mua là nhà, đất mua tại thửa 56+75, tờ bản đồ số 67, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ); Lãi suất vay: 7.5%/năm cố định trong 06 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau:

Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS + 3.50%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Thoả thuận thanh toán lãi và nợ gốc định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, trong 180 kỳ. Tiền lãi tính theo dư nợ thực tế.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 27/4/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 4.300.000.000 đồng cho bà N bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 33337938 của bà Phan Thị Cẩm N tại Ngân hàng A.

Bà N đã thanh toán gốc và lãi theo đến ngày 25/8/2023 trở đi thì không thanh toán đầy đủ gốc và lãi theo thoả thuận của hợp đồng.

Ngày 05/10/2023, ngân hàng và bà N có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số NIK.CN.1903.140422/SĐBS-01, sửa đổi, bổ sung thoả thuận về cơ cấu thanh toán nợ gốc và lãi các kỳ còn thiếu cho bà N nhưng bà N vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi 30% phát sinh còn lại theo thỏa thuận; cụ thể, bà N chỉ thanh toán lãi 30% được 01 kỳ vào ngày 06/10/2023 và từ sau ngày 25/11/2023 trở đi cho đến nay bà N không đóng đồng nào nữa. Ngoài ra, sau đó bà N cũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận của hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 05/10/2023. Tạm tính đến ngày 31/7/2025, bà N đã thanh toán nợ gốc được: 83.564.000đ; còn thiếu tổng cộng: số tiền: 5.594.537.212 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 4.216.436.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn 257.898.018 đồng.

- Tiền lãi quá hạn 1.037.971.024 đồng.

- Lãi phạt chậm trả lãi 82.232.170 đồng.

3. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số NIK.CN.7187.050923 ngày 05/09/2023, hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.7188.050923 ngày 05/09/2023 và khế ước nhận nợ số 409500779 ngày 09/9/2023, thoả thuận số tiền vay 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 180 tháng, từ ngày 10/9/2023 đến ngày 09/9/2038; Mục đích vay mua nhà, đất, có thế chấp tài sản mua là nhà, đất mua tại thửa 290, tờ bản đồ số 9, đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long); Lãi suất vay: 9.5%/năm cố định trong 12 tháng đầu; sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau:

Lãi suất cho vay (%/năm) = LSCS + 3.50%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Thoả thuận thanh toán lãi và nợ gốc định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, trong 180 kỳ; Tiền lãi tính theo dư nợ thực tế.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 09/9/2023, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 2.000.000.000 đồng cho bà N bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 33337938 của bà Phan Thị Cẩm N tại Ngân hàng A. Bà N thanh toán không đầy đủ gốc và lãi theo thoả thuận của hợp đồng, từ sau ngày 25/11/2023 cho đến nay, bà N không đóng đồng nào nữa. Tạm tính đến ngày 31/7/2025, bà N đã thanh toán nợ gốc được: 6.942.000 đồng, còn thiếu tổng cộng số tiền: 2.464.900.604 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 1.993.058.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn 63.805.158 đồng.

- Tiền lãi quá hạn 382.222.678 đồng.

- Lãi phạt chậm trả lãi 25.644.927 đồng.

4. Ngày 26/4/2022, bà Phan Thị Cẩm N có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, loại thẻ JCB vàng, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, thẻ tín dụng có thế chấp, lãi suất, phí theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Ngày 27/4/2022, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng JCB vàng cho bà N.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ kỳ tháng 3/2024, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Ngày 12/3/2024, ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ và chấm dứt sử dụng thẻ của bà N. Ngày 02/5/2024, ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 31/7/2025, bà N còn nợ vốn gốc 213.977.101 đồng, lãi quá hạn 97.019.606 đồng, tổng cộng 310.996.707 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của các khoản nợ nêu trên, bà Phan Thị Cẩm N có ký các hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.151.180222 ngày 24/02/2022 và cam kết thế chấp tài sản ngày 18/02/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.846,2m^2 (đất trồng cây lâu năm) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356333, số vào sổ CS10956 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022. Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 09, diện tích 153,6m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356334, số vào sổ CS10957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày

21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 02231 ngày 24/02/2022 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V ngày 24/02/2022.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.259.140422 ngày 28/04/2022 và cam kết thế chấp tài sản ngày 14/4/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ) tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 67, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378422, số vào sổ CS02410 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 67, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378421, số vào sổ CS02409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 2044 ngày 28/4/2022 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang ngày 28/04/2022.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.477.050923 ngày 06/09/2023 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 05/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 9, diện tích 150m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356335, số vào sổ CS10958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/8/2023.

Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 10969 ngày 06/9/2023 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V ngày 06/09/2023.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Phan Thị Cẩm N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và nợ thẻ tín dụng nêu trên, tổng cộng số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 21.350.213.051 đồng, trong đó:

- Vốn gốc là 16.201.363.101 đồng + lãi trong hạn 924.005.717 đồng + lãi quá hạn 3.924.262.431 đồng + lãi phạt chậm trả lãi 300.411.961 đồng + phí/phạt khác 169.841 đồng. Và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận của các hợp đồng đã ký. Nếu bà Phan Thị Cẩm N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo của các hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng việc bà Phan Thị Cẩm N mua Bảo hiểm nhân thọ là mua của Công ty B, không phải của nguyên đơn. Ngân hàng chỉ là đối tác giới thiệu khách hàng cho công ty B, việc thoả thuận và ký hợp đồng bảo hiểm là giao dịch giữa bà N với Công ty B. Việc bà N mua bảo hiểm, không phải là điều kiện để ngân hàng giảm lãi cho bà N. Trường hợp nếu khách hàng có yêu cầu giảm lãi thì phải có đơn đề nghị xét giảm lãi để ngân hàng xem xét. Đối với việc bà N cho rằng Ngân hàng hứa cho bà N vay 5.000.000.000 đồng và đề nghị bà N ký hợp đồng uỷ quyền tài sản cho người khác (ông Trương Quốc T1 theo lời trình bày của bà N tại phiên toà) thì phía Ngân hàng không biết việc này.

* *Bị đơn là bà Phan Thị Cẩm N trình bày*: Bị đơn là bà Phan Thị Cẩm N thừa nhận bà có ký 03 hợp đồng tín dụng với nguyên đơn gồm hợp đồng vay 10.000.000.000 đồng, hợp đồng vay 4.300.000.000 đồng, hợp đồng vay 2.000.000.000 đồng và có sử dụng 01 thẻ tín dụng của nguyên đơn, hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng với nội dung thoả thuận của các hợp đồng như trên và bà có ký 03 hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo là 05 thửa đất nêu trên như nguyên đơn trình bày là đúng. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay của các hợp đồng nêu trên và quá trình thanh toán nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc bị đơn mất khả năng thanh toán, dẫn đến nợ xấu như hôm nay là do lỗi của nguyên đơn. Cụ thể vào thời điểm bị đơn khó khăn trong việc thanh toán nợ vào tháng 8/2023, bị đơn không có nhu cầu mua thửa đất 290 ở Vĩnh Long nhưng nguyên đơn hứa với bà là mua tài sản và ký hợp đồng uỷ quyền cho người khác là ông Trương Quốc T1, cùng với thế chấp tài sản của bạn bà là ông Nguyễn Thanh V thì ngân hàng sẽ cho bà vay 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn mua thửa đất 290 xong thì Ngân hàng chỉ cho bà ký hợp đồng tín dụng ngày 05/9/2023, giải ngân cho bà vay 2.000.000.000 đồng làm cho bà không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, hợp đồng thế chấp ngày 24/02/2022, tài sản thế chấp là thửa đất số 288, 289 ở Vĩnh Long đã đảm bảo cho vốn gốc hơn 14 tỷ đồng, còn hợp đồng thế chấp ngày 28/4/2022 đối với quyền sử dụng đất thửa 56, 75 tại xã C, thành phố Cần Thơ thì phần tài sản trị giá hơn hai tỷ đồng, để đảm bảo cho phần nợ 2.700.000.000 đồng nhưng ngân hàng lại ký hợp đồng cho bà vay 4.300.000.000 đồng thì khoản vay của hợp đồng này đã được đảm bảo bằng tài sản thửa đất 288, 289 nên bà yêu cầu ngân hàng G, trả lại cho bà tài sản đảm bảo thửa đất 56, 75 nhưng Ngân hàng không đồng ý, dẫn đến việc bà rơi vào khả năng mất thanh toán. Bên cạnh đó, khi ký hợp đồng tín dụng, ngân hàng yêu cầu bà mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trị giá 300.000.000 đồng và cho rằng mua bảo hiểm thì bà sẽ được giảm lãi nhưng Ngân hàng không thực hiện việc giảm lãi cho bà.

Do bà đã trả vốn và lãi được gần hai năm nên nay bà đề nghị Ngân hàng trả lại tài sản đảm bảo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 56, 75 tại xã C, thành phố Cần Thơ để bà bán tài sản, thanh toán một phần nợ cho nguyên đơn. Sau đó, tiền nợ còn thiếu lại thì bà chỉ đồng ý trả tiền vốn gốc, không đồng ý tiếp tục trả tiền lãi nữa do ngân hàng đã yêu cầu bà mua bảo hiểm và hứa giảm lãi cho bà.

* Sự việc được Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2025, đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 158, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 167 Luật Đất đai.

- Điều 317, 318, 320, 323, 502 Bộ luật Dân sự.

- Điều 7, khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Buộc bà Phan Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của 03 hợp đồng tín dụng và 01 thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 21.350.213.051 đồng, trong đó:

Vốn gốc 16.201.363.101 đồng + lãi trong hạn 924.005.717 đồng + lãi quá hạn 3.924.262.431 đồng + lãi phạt chậm trả lãi 300.411.961 đồng + phí/phạt khác 169.841 đồng.

Và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận của các hợp đồng đã ký. Cụ thể, bà Phan Thị Cẩm N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu của từng hợp đồng tín dụng sau:

1/ Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1461.180222 ngày 18/02/2022, khế ước nhận nợ Số 355417779 ngày 21/02/2022, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 12.979.778.528 đồng, trong đó nợ gốc 9.777.892.000 đồng + lãi trong hạn 602.302.541 đồng + lãi quá hạn 2.407.049.123 đồng + lãi phạt chậm trả lãi: 192.534.864 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

2/ Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1903.140422 ngày 14/04/2022, khế ước nhận nợ số 360536999 ngày 27/4/2022, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 5.594.537.212 đồng, trong đó nợ gốc 4.216.436.000 đồng + lãi trong hạn 257.898.018 đồng + lãi quá hạn 1.037.971.024 đồng + lãi phạt chậm trả lãi 82.232.170 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

3/ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số NIK.CN.7187.050923 ngày 05/09/2023, hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.7188.050923 ngày 05/09/2023 và khế ước nhận nợ số 409500779 ngày

09/9/2023, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 2.464.900.604 đồng, trong đó nợ gốc 1.993.058.000 đồng + lãi trong hạn 63.805.158 đồng + lãi quá hạn 382.222.678 đồng + lãi phạt chậm trả lãi 25.644.927 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

4/ Bà Phan Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ của thẻ tín dụng JCB vàng, cấp ngày 27/4/2022, số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 31/7/2025 tổng cộng 310.996.707 đồng, trong đó vốn gốc 213.977.101 đồng + lãi quá hạn 97.019.606 đồng và lãi, phí phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi, phí quy định tại hợp đồng đã ký.

Nếu bà Phan Thị Cẩm N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ:

1/ Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.151.180222 ngày 24/02/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 18/02/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại: đường B Sông C, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.846,2m^2 (đất trồng cây lâu năm) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356333, số vào sổ CS10956 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022. Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 09, diện tích 153,6m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356334, số vào sổ CS10957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022.

2/ Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.259.140422 ngày 28/04/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 14/4/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ) tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 67, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378422, số vào sổ CS02410 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 67, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378421, số vào sổ CS02409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022.

3/ Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.477.050923 ngày 06/09/2023 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 05/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 9, diện tích 150m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356335, số vào sổ CS10958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/8/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 11/8/2025, bị đơn bà Phan Thị Cẩm N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng thay đổi lãi suất phải trả của bà đối với Ngân hàng và xem xét giảm án phí phải nộp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc giảm phần lãi chậm trả lãi, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng giảm phần lãi chậm trả lãi cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, bị đơn đều thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ như nguyên đơn trình bày. Như vậy, bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch trên cơ sở tự nguyện, do đó các đương sự có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với các giao dịch dân sự, các hành vi dân sự do chính các đương sự thực hiện. Do hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên các hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp. Vì hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định

tại Điều 6, Điều 7 và Điều 11 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ vốn gốc và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Tuy nhiên đối với phần lãi chậm trả lãi nguyên đơn yêu cầu, thấy rằng ngày 27/3/2024 toàn bộ khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi suất 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, lãi suất chậm trả lãi của các hợp đồng tín dụng được ký giữa nguyên đơn và bị đơn phải được tính đối với các khoản nợ lãi trong hạn mà nguyên đơn chưa trả từ ngày 27/3/2024 trở về trước. Do đó đối với nợ lãi chậm trả lãi mà bị đơn phải chịu trên 03 hợp đồng tín dụng là 139.714.758 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 300.411.961 đồng là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án án nhân dân tối cao, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị đơn về việc giảm án phí, thấy rằng tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí "*Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ*". Như vậy đối với yêu cầu được giảm án phí của bà N không thuộc trường hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, nên án phí sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định.

[9]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Cẩm N về việc giảm lãi suất chậm trả lãi.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Cẩm N về việc giảm lãi và giảm án phí.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai.

- Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị Quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Buộc bà Phan Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ còn thiếu của 03 hợp đồng tín dụng và 01 thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 21.189.515.848 đồng, trong đó nợ gốc 16.201.363.101 đồng, lãi trong hạn 924.005.717 đồng, lãi quá hạn 3.924.262.431 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 139.714.758 đồng, phí/phạt khác 169.841 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận của các hợp đồng đã ký. Cụ thể, bà Phan Thị Cẩm N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu của từng hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1461.180222 ngày 18/02/2022, khế ước nhận nợ Số 355417779 ngày 21/02/2022, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 12.878.501.101 đồng, trong đó nợ gốc 9.777.892.000 đồng, lãi trong hạn 602.302.541 đồng, lãi quá hạn 2.407.049.123 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 91.257.437 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

- Hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.1903.140422 ngày 14/04/2022, khế ước nhận nợ số 360536999 ngày 27/4/2022, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 5.551.364.764 đồng, trong đó nợ gốc 4.216.436.000 đồng, lãi trong hạn 257.898.018 đồng, lãi quá hạn 1.037.971.024 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 39.059.722 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số NIK.CN.7187.050923 ngày 05/09/2023, hợp đồng cấp tín dụng số NIK.CN.7188.050923 ngày 05/09/2023 và khế ước nhận nợ số 409500779 ngày 09/9/2023, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ còn thiếu tổng cộng 2.448.653.276 đồng, trong đó nợ gốc 1.993.058.000 đồng, lãi trong hạn 63.805.158 đồng, lãi quá hạn 382.222.678 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 9.397.599 đồng, phí/phạt khác 169.841 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 đến khi thanh toán tất nợ theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký.

- Bà Phan Thị Cẩm N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tiền nợ của thẻ tín dụng JCB vàng, cấp ngày 27/4/2022, số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 31/7/2025 tổng cộng 310.996.707 đồng, trong đó vốn gốc 213.977.101 đồng, lãi quá hạn 97.019.606 đồng và lãi, phí phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi, phí quy định tại hợp đồng đã ký.

Nếu bà Phan Thị Cẩm N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.151.180222 ngày 24/02/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 18/02/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại: đường B Sông C, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.846,2m^2 (đất trồng cây lâu năm) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356333, số vào sổ CS10956 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022. Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 09, diện tích 153,6m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356334, số vào sổ CS10957 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/02/2022.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.259.140422 ngày 28/04/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 14/4/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ) tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 67, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378422, số vào sổ CS02410 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 67,

diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK378421, số vào sổ CS02409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 02/02/2018, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 27/4/2022.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số NIK.BĐCN.477.050923 ngày 06/09/2023 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 05/09/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) tại thửa đất số 290, tờ bản đồ số 9, diện tích 150m^2 (đất ở đô thị) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY356335, số vào sổ CS10958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/10/2020, xác nhận chuyển nhượng cho bà Phan Thị Cẩm N đứng tên ngày 24/8/2023.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc yêu cầu tiền lãi suất chậm trả lãi là 160.697.203 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn là bà Phan Thị Cẩm N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 4.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Phan Thị Cẩm N phải chịu 129.189.516 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu 8.034.851 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 62.766.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003991 ngày 27/12/2024 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3- Cần Thơ. Như vậy nguyên đơn được nhận lại số tiền 54.731.149 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Cẩm N không phải chịu. Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002473 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 3- Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 3-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định